

5 THEO DÒNG LỊCH SỬ

KINH VĨNH AN - 180 NĂM LỊCH SỬ

VĨNH THÔNG *

TÓM TẮT

Nói về công cuộc đào kinh ở Nam Kỳ dưới triều Nguyễn, có lẽ Vĩnh Tế là con kinh nổi tiếng nhất. Năm 2024, tỉnh An Giang long trọng tổ chức lễ kỷ niệm tròn 200 năm hoàn thành dòng kinh lịch sử này. Tuy nhiên, có một dòng kinh khác ra đời sau đó, có thể được xem như sự “nối dài” của kinh Vĩnh Tế, nhưng lại không nhiều người biết đến, đó là kinh Vĩnh An. Năm 2024, dòng kinh này tròn 180 tuổi. Trong lịch sử gần hai thế kỷ tồn tại của mình, kinh Vĩnh An đã phát huy vai trò quan trọng đối với việc phát triển kinh tế, giao thông khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: Vĩnh An, kinh Vĩnh An.

Nhận bài: 10/09/2024; đưa vào biên tập: 14/09/2024; phản biện: 19/09/2024; duyệt đăng: 23/09/2024.



1. BỐI CẢNH RA ĐỜI KINH VĨNH AN

Kinh Vĩnh Tế được đào vào năm 1819, hoàn thành vào năm 1824, nối từ thành Châu Đốc (tỉnh lỵ tỉnh An Giang khi đó, ngày nay là thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang) đến thành Hà Tiên (tỉnh lỵ tỉnh Hà Tiên khi đó, ngày nay là thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang). Nói cách khác, điểm đầu của kinh Vĩnh Tế là sông Hậu, điểm cuối là biển Tây. Khi đó, chẳng những ghe xuồng qua lại giao thương thuận lợi, mà hai thành Châu Đốc và Hà Tiên cũng dễ dàng cứu nguy cho nhau trong lúc binh đao.

Tuy vậy, Châu Đốc nằm bên bờ sông Hậu, cũng rất cần sự thông thương với Tân Châu, phía sông Tiền (ngày nay là thị xã Tân Châu,

tỉnh An Giang) về cả thương mại lẫn quân sự. Do đó gần hai mươi năm sau, một con kinh lại ra đời để thực hiện nhiệm vụ trên, đó là kinh Vĩnh An.

Hoàn cảnh bấy giờ được Tổng đốc Định Biên (Gia Định - Biên Hòa) Lê Văn Đức tâu vua Thiệu Trị vào năm 1842: “Từ Hậu Giang đến Tân Châu và An Lạc ở Tiền Giang tất phải từ Thuận Cảng đi lên, trải 3 - 4 ngày đi quanh co, vừa chậm vừa khó, đi lại thật thấy bất tiện. Vậy: một đoạn từ An Giang đi ngang qua Tân Châu và An Lạc, xin cho quan tỉnh thuê vét quân, dân đào thành đường sông để dễ cho sự khống chế tiếp ứng. Đó cũng là một việc cốt yếu nên làm” [7, tr.367].

Quả vậy, nếu xét theo đường thẳng, Châu Đốc cách Tân Châu 17 km. Tuy nhiên, đi từ Châu Đốc đến Tân Châu thời đó vô cùng khó khăn, kinh rạch tự nhiên mà con người có thể di chuyển thuận lợi chỉ có sông Vàm Nao (sử triều Nguyễn cũng gọi là Thuận Cảng, Thuận Giang). Dòng sông này cách Châu Đốc khoảng khoảng 30 km, cách Tân Châu khoảng 40 km. Từ Châu Đốc sang Tân Châu, người đương thời phải từ Châu Đốc đi theo sông Hậu khoảng 30 km xuống Vàm Nao, rồi từ Vàm Nao đi theo sông Tiền khoảng 40 km lên Tân Châu. Vả lại, đường sông Vàm Nao đã nhiều lần là đường hành quân của

giặc ngoại xâm. Nếu Châu Đốc thất thủ, chúng từ đó đi theo sông Hậu xuống Vàm Nao, rồi rẽ sang sông Tiền và tỏa quân tiến đánh các tỉnh lân cận. Khi đó, quân Đại Nam khó bề ứng cứu, hoặc khi ứng cứu thường gặp mai phục.

Sau khi trừ tính, tỉnh An Giang tâu lên: “Nhân công dùng làm việc này, phải tới 72.522 công, phải thuê 10.000 dân phu ở 3 tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Định Tường và vát 2.000 biên binh các hạng đi làm, ước tới 2 tháng mới xong. Nhưng hiện nay trời nắng dữ, nhân dân phần nhiều cảm nhiễm sinh bệnh, xin hãy cho tạm hoãn” [7, tr. 367]. Vua chấp thuận.

2. QUÁ TRÌNH ĐÀO KINH VĨNH AN

Tháng 11 (Âm lịch) năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), Tổng đốc An Hà (An Giang - Hà Tiên) là Nguyễn Công Nhân, Thự Tổng đốc Long Tường (Vĩnh Long - Định Tường) Nguyễn Tri Phương, Tuần phủ An Giang Nguyễn Công Trứ tâu: “Việc đào sông Tân Châu ở tỉnh An Giang trước đã xin hoãn lại, nay đến tiết mùa đông khô ráo, xin thuê 5.000 dân phu khơi trước một đoạn (dài 550 trượng), trong một tháng thì cho về, đợt sang xuân, sẽ làm tiếp” [7, tr. 548]. Vua y cho.

Đọc qua một tư liệu về quá trình đào kinh Vĩnh An, chúng ta mới nhận thấy đây là công việc đầy công phu: “Một tài liệu của phủ Hoàng Đạo tỉnh Vĩnh Long (Bến Tre, cù lao Bảo) cho biết dân phu phủ này đi đào kinh Vĩnh An gồm 8 đội, mỗi đội 50 người, có viên phó tổng hoặc lý dịch coi sóc. Mỗi đội mang theo 10 cây cuốc, 10 cây mai, phăng, rìu, cây mù u, gàu nước, giồng, gánh, ky, mỗi thứ 30 cái, lại còn dây tre dài hơn 1 trượng. Viên chức ở tỉnh tới địa điểm đào kinh từ trước để cất trại cho dân phu ở. Cứ 15 ngày thay đổi một lần cho dân nghỉ ngơi” [8, tr. 44].

Kinh được đào dưới sự chỉ huy của hai danh tướng Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Công Nhân. Quá trình đào kinh gồm hai đợt, đợt đầu từ tháng 11 đến tháng 12 năm 1843, đợt sau từ tháng 3 đến tháng 4 năm 1844, như

vậy tổng thời gian khoảng hai tháng thì hoàn tất. Khi đào xong, kinh dài 17 km, rộng trung bình 15 mét, [1] sâu 6 mét. Vàm (cửa) kinh ở sông Hậu nằm gần bảo Châu Giang (ngày nay là xã Châu Phong, thị xã Tân Châu) và đối diện thành Châu Đốc bên kia sông Hậu. Vàm kinh ở sông Tiền nằm gần bảo Tân Châu và lý sở huyện Đông Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang (ngày nay là nội ô thị xã Tân Châu). Ban đầu kinh có tên là Long An hà, sau khi đào xong đổi thành Tân Châu hà.



Tháng 4 (Âm lịch) năm Thiệu Trị thứ 4 (1844): “Sông Tân Châu ở tỉnh An Giang đã đào xong. Mùa đông năm ngoái, bắt đầu đào đường sông từ cửa sông Châu Giang ngang qua sông Tiền Giang, đôn Tân Châu (dài 3.695 trượng), cuối năm thì nghỉ việc; mùa xuân năm nay lại làm. Thuê nhân công làm việc này, cấp cho tiền và gạo. Vừa một tháng thì sông đào xong (trên rộng 6 trượng, dưới rộng 3 trượng, sâu trên dưới 9 thước. Dùng cọc tre: 33.300 đoạn; tiền thuê: 63.021 quan; gạo: 21.021 phượng). Thường tất cả cho nhân viên chuyên biện, thừa biện có khác nhau. Trước đặt tên là sông Long An; đến đây, đổi gọi là sông Tân Châu” [7, tr. 593].

Tương tự, Đại Nam nhất thống chí biên soạn dưới triều vua Tự Đức cũng mô tả: “Tân Châu hà: Ở bên cạnh huyện trị Đông Xuyên. Đường sông từ Tân Châu bảo ở Tiền Giang thông đến Châu Giang thủ ở Hậu Giang [...]

Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) khởi đào, nhà vua cho tên là Long An hà, sau đổi lại tên này” [6, tr. 51].

Xin nói thêm, theo truyền khẩu của người địa phương, con kinh có tên là Vĩnh An Hà nhằm nhắc nhớ nhân công đào kinh từ ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Tuy nhiên, chúng tôi không ủng hộ lý giải này. Trước hết, chữ “hà” có nghĩa là sông, danh từ chung không phải danh từ riêng. Thứ nữa, không tìm thấy vai trò của đội ngũ nhân công đến từ tỉnh Hà Tiên được ghi nhận trong sử liệu, mà chỉ có An Giang, Vĩnh Long, Định Tường. Mặt khác, các thư tịch triều Nguyễn không nhắc đến cái tên Vĩnh An hà, mà chỉ có Long An hà và Tân Châu hà. Thế nhưng, tên phổ biến của dòng kinh này được người địa phương sử dụng là kinh Vĩnh An. Vậy, cái tên này từ đâu xuất hiện? Đây là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu thêm.

3. VAI TRÒ CỦA KINH VĨNH AN

Với chủ ý của triều Nguyễn, sự ra đời của kinh Vĩnh An đã mang đến một số hiệu quả nổi bật. Trước hết về thương mại, việc đào kinh đã hình thành trục giao thông mới, đồng thời là trục giao thông huyết mạch, nối liền hai thị tứ sầm uất là Tân Châu và Châu Đốc. Từ khi có con kinh, ghe xuồng lớn nhỏ qua lại tấp nập quanh năm, tạo nên khung cảnh giao thương nhộn nhịp.

Kinh Vĩnh An cũng góp phần thúc đẩy công cuộc khẩn hoang. Những vùng đất hoang vu được phù sa bồi đắp trở nên phì nhiêu, hình thành làng mạc trù phú như Long Phú, Phú Vĩnh, Châu Phong... thu hút cư dân quy tụ về sinh sống. Nguồn nước từ kinh Vĩnh An đã tưới xanh ruộng lúa của nông dân hai bên bờ, làm tươi tốt những rẫy đậu xanh, đậu nành, bắp, mía...

Tuy nhiên, vai trò chiến lược của kinh Vĩnh An là quân sự:

Rút ngắn đường hành quân: Hình thành tuyến đường thủy thứ hai từ sông Tiền sang sông Hậu, không cần phải đi qua sông Vàm Nao vốn cách trở, nhờ vậy rút ngắn lộ trình và thời gian hành quân, kịp thời ứng cứu khi có biến.

Liên kết các địa điểm quan trọng về chính trị và quân sự: Điểm đầu kinh Vĩnh An có bảo Tân Châu và bảo An Lạc là hai đồn binh, ngoài ra đây cũng là lỵ sở huyện Đông Xuyên - một trung tâm hành chính cấp huyện. Điểm cuối kinh Vĩnh An có thủ Châu Giang cũng là một đồn binh quan trọng, đối diện bên kia sông Hậu là thành Châu Đốc - tỉnh lỵ tỉnh An Giang. Như vậy, kinh Vĩnh An rõ ràng có vị thế địa chính trị rất quan trọng, có khả năng kết nối các địa điểm xung yếu về chính trị và quân sự.

Nối liền kinh Vĩnh Tế: Từ bảo Tân Châu bên sông Tiền, quân đội theo kinh Vĩnh An đến bảo Châu Giang, thông ra sông Hậu. Từ thành Châu Đốc, quân đội tiếp tục theo kinh Vĩnh Tế ra Hà Tiên. Như vậy rõ ràng, triều Nguyễn có chủ ý thiết kế tuyến đường thủy kết nối nhau nhằm kịp thời liên lạc và hỗ trợ khi chiến tranh xảy ra.

Khi Pháp đến, họ cũng đánh giá cao vai trò của kinh Vĩnh An. “*Nam Kỳ và cư dân: Các tỉnh miền Tây*” (xuất bản năm 1894) nhận định: “Kênh Vĩnh An tiếp nối kênh Vĩnh Tế và nối sông Ba Thắc với sông Me Kông” [2, tr. 465]. Chuyên khảo về tỉnh Châu Đốc xuất bản năm 1902 cũng vậy: “Đây là một con đường sông rất quan trọng. Con kênh gần như là sự tiếp nối con kênh Vĩnh Tế” [1, tr. 27].

Nhìn chung, nhờ có kinh Vĩnh An, việc phòng thủ biên cương tăng thêm tính hiệu quả. Mai Văn Tạo [3, tr.15] nhận xét: “Kênh Vĩnh Tế như đại trường giang vượt qua ghềnh đá, rừng hoang, gò nổng vươn thẳng tới Hà Tiên. Kinh Vĩnh An nối liền sông Hậu - Sông Tiền cũng đâu phải chuyện ngẫu nhiên. [...] Hai dòng nước Vĩnh Tế, Vĩnh An là đường giao thông cấp báo, cứu nguy giữ các thành Hà Tiên, Châu Đốc với các đồn bảo Giang Thành, Lạc Quới, Tân Châu.”

4. CHÚT HOÀI NIỆM CÒN LẠI

Để đánh dấu sự kiện đào kinh, một bia đá được dựng lên ở Tân Châu, bên bờ Nam kinh Vĩnh An, với nội dung: “Vĩnh An hà - Thiệu Thị đệ ngũ - Kiệt nhật tạo”. Năm 1966, tác giả Nguyễn Văn Kiềm xuất bản quyển “*Tân Châu*” (1870 - 1964) còn chụp được hình ảnh tấm bia in vào sách. Tuy nhiên, sau đó không rõ chính xác thời điểm nào, do sạt lở đất bờ sông, tấm bia bị cuốn trôi theo dòng nước, không còn vết tích. Ngoài ra, chánh quyền Tân Châu dưới chế độ cũ đã đặt tên đường Nguyễn Tri Phương ở bờ Nam và Nguyễn Công Nhân ở bờ Bắc kinh Vĩnh An, hai tên đường hiện nay vẫn còn được sử dụng.

Tuy nhiên, do lựa chọn vị trí đào kinh chưa hợp lý, nên dòng chảy yếu, phù sa bị ứ đọng. Sau vài chục năm, ghe xuồng chỉ đi lại thuận tiện vào mùa nước lớn, còn mùa khô thì gặp khó khăn [5, tr. 125]. Do đó, từ năm 1914 đến năm 1918, chánh quyền Pháp cho đào con kinh mới, nằm song song và cách kinh Vĩnh An khoảng 3,5 km về phía Bắc. Do kinh được đào bằng xáng cạp, nên người dân gọi là kinh Xáng [2]. Ngoài ra, do nó là kinh

mới đào nên người dân cũng gọi là kinh Mới, khi đó kinh Vĩnh An được gọi là kinh Cũ. Kinh Xáng buổi đầu dài 9,5 mét, rộng 30 mét, sâu 6 mét. Qua thời gian, do sức nước chảy mạnh, hiện nay kinh rộng 100 mét.

Do khả năng lưu thông của kinh Vĩnh An kém, trong tiến trình phát triển của đô thị Tân Châu, cùng với thói quen cư trú truyền thống ở miền Tây là cất nhà ven kinh rạch, dẫn đến lượng rác thải ùn ứ dưới dòng kinh, gây ô nhiễm nặng nề. Bên cạnh đó, vàm kinh Vĩnh An phía sông Tiền thường xảy ra sạt lở. Đặc biệt vào thập niên 1990, tình trạng này càng nghiêm trọng, phố chợ, cửa tiệm, nhà ở bị cuốn trôi xuống dòng nước.

Bởi thế vào năm 2009, chánh quyền thị xã Tân Châu cho san lấp đoạn đầu kinh Vĩnh An đi qua nội ô thị xã khoảng 2 km. Mặc dù dòng kinh vẫn còn, nhưng sứ mạng kết nối sông Tiền và sông Hậu đã chấm dứt, khi đó dòng kinh đã tồn tại 165 năm. Sắp tới, thị xã dự kiến san lấp đoạn tiếp theo khoảng 3,5 km nữa, lúc ấy kinh Vĩnh An chỉ còn lại 2/3.

CHÚ THÍCH

1. Đại Nam thực lục ghi kinh rộng từ 3 đến 6 trượng, tức khoảng từ 12 đến 24 mét. Hơn nửa thế kỷ sau, các tác phẩm do người Pháp biên soạn ghi kinh rộng trung bình 15 - 16 mét [J. C. Baurac 1894, Hội Nghiên cứu Đông Dương 1902]. Năm 1966, Tân Châu (1870 - 1964) của Nguyễn Văn Kiềm ghi kinh rộng từ 15 đến 27 mét. Năm 2013, Địa chí An Giang ghi kinh rộng 30 mét. Thực tế hiện nay, kinh rộng trung bình khoảng 30 mét.
2. Địa chí An Giang ghi “kênh Vàm Xáng” chưa chính xác. “Vàm” là cửa sông, kinh, rạch... Như vậy, Vàm Xáng là địa danh của khu vực cửa kinh Xáng, không phải tên toàn bộ dòng kinh. An Giang có nhiều địa danh mang tên Vàm Xáng như Vàm Xáng Cây Dương (cửa kinh xáng Cây Dương), Vàm Xáng Vĩnh Tre (cửa kinh xáng Vĩnh Tre)

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hội Nghiên cứu Đông Dương (2017): *Chuyên khảo về tỉnh Châu Đốc*, Nguyễn Nghị & Nguyễn Thanh Long dịch, Nxb. Trẻ.
2. J. C. Baurac (2022): *Nam Kỳ và cư dân: Các tỉnh miền Tây*, Huỳnh Ngọc Linh dịch, Nxb. Tổng hợp TP.HCM.
3. Mai Văn Tạo (2001): *Đất quê hương*, Văn nghệ An Giang.
4. Nguyễn Văn Kiềm (1966): *Tân Châu (1870 - 1964)*, Tác giả tự xuất bản.
5. Nhiều tác giả (2013): *Địa chí An Giang*, Sở Thông tin và Truyền thông An Giang.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn (1959): *Đại Nam nhất thống chí: Lục tỉnh Nam Việt*, Tập Hạ, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Bộ Quốc gia Giáo dục.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007): *Đại Nam thực lục*, Tập 6, Viện Sử học dịch, Nxb. Giáo dục.
8. Sơn Nam (2011): *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Bản điện tử.

6 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG HỘI

DIỄN ĐÀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THẾ GIỚI LẦN THỨ 14 - “NHỮNG THAY ĐỔI CỦA THẾ GIỚI HIỆN NAY, NHỮNG THAY ĐỔI CỦA THỜI ĐẠI VÀ NHỮNG THAY ĐỔI LỊCH SỬ”

TS. TRẦN THỊ THÚY NGỌC *

Từ ngày 9 đến ngày 10 tháng 9 năm 2024, Diễn đàn Xã hội Chủ nghĩa Thế giới lần thứ 14 đã được tổ chức tại Bắc Kinh. Chủ đề của diễn đàn là “Biến đổi của thế giới, biến đổi của thời đại và biến đổi của lịch sử hiện nay”. GS. Chân Chiêm Dân (甄占民), Phó Chủ tịch, và ủy viên Đảng ủy Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc, ông Trần Châu (陈洲), Thứ trưởng Ban Liên lạc Quốc tế của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc; Phouvang Ounkhamsen, Chủ tịch Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Lào; Jose Luis Centella, Chủ tịch Đảng Cộng sản Tây Ban Nha và Phó Chủ tịch Đảng Cảnh tá Châu Âu Telia đã tham dự lễ khai mạc và

có bài phát biểu quan trọng. Lý Thân Minh, nguyên Phó chủ tịch Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc và Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Xã hội Chủ nghĩa Thế giới, đã có bài phát biểu khai mạc.

GS. Chân Chiêm Dân cho rằng những thay đổi trên thế giới, thời đại và lịch sử đang diễn ra theo cách chưa từng có và chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc là một nhân tố quan trọng trong số đó. Chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong thời đại mới đã làm phong phú và phát triển mạnh mẽ lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội khoa học, chứng minh cho thế giới thấy tính ưu việt và sức sống mãnh liệt của hệ thống xã hội chủ nghĩa, đồng thời thổi thêm sức sống và hy vọng mới